NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

★ **TS BÙI THỊ PHƯƠNG THÙY**
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● ***Tóm tắt:*** ***Quá trình xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới là biểu hiện sinh động của sự vận động biện chứng giữa yếu tố khách quan và chủ quan trong đời sống kinh tế - xã hội. Trong quá trình đó, quan hệ sản xuất luôn chịu sự tác động của nhiều nhân tố. Bài viết góp phần làm rõ sự tác động của một số nhân tố đến quá trình xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thời kỳ đổi mới.***

● ***Từ khóa: Quan hệ sản xuất; lực lượng sản xuất; quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.***

● ***Ngày nhận: 28-5-2025; Ngày thẩm định: 30-5-2025; Ngày duyệt đăng: 16-6-2025.***

1. Mở đầu

Xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất (QHSX) xã hội chủ nghĩa là yêu cầu tất yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây không chỉ là điều kiện thúc đẩy lực lượng sản xuất (LLSX) phát triển, mà còn phản ánh bản chất định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. QHSX xã hội chủ nghĩa thời kỳ đổi mới ở nước ta được hiểu là QHSX xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu, vận hành trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại, phát triển với sự đa dạng về hình thức phân phối nhằm phát triển LLSX, bảo đảm công bằng xã hội và từng bước hiện thực hóa các giá trị của chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, quá trình này chịu tác động đan xen của nhiều nhân tố. Nhận diện và phân tích đúng những nhân tố đó là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện QHSX phù hợp với thực tiễn phát triển đất nước.

2. Nội dung

2.1. Tác động của lực lượng sản xuất

Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, LLSX và QHSX có mối liên hệ mật thiết, khăng khít, không tách rời và thống nhất với nhau trong phương thức sản xuất. Mỗi phương thức sản xuất hay quá trình sản xuất xã hội

không thể tiến hành được nếu thiếu một trong hai thành tố trên. Trong đó, LLSX là nội dung, còn QHSX là hình thức của phương thức sản xuất. Trong mối quan hệ này, LLSX giữ vai trò quyết định còn QHSX tác động trở lại LLSX. Chính quan hệ biện chứng giữa chúng hợp thành quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX. Về điều này, trong tác phẩm *Góp phần phê phán khoa kinh tế - chính trị*, C.Mác có viết: "Trong sự sản xuất xã hội ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với trình độ phát triển nhất định của các lực lượng sản xuất vật chất của họ"[1].

Xu hướng của sản xuất vật chất là không ngừng biến đổi và phát triển. Sự biến đổi đó bao giờ cũng bắt đầu bằng sự biến đổi và phát triển của LLSX mà trước hết là trình độ của người lao động và công cụ lao động. Sự biến đổi của công cụ lao động làm thay đổi trình độ của LLSX, qua đó làm thay đổi quan hệ giữa con người với con người trong sản xuất, tức làm thay đổi QHSX. Sự phát triển của LLSX đến trình độ nào đó nhất định làm cho QHSX trở nên không phù hợp với trình độ của LLSX. QHSX hiện tồn trở thành xiềng xích cản trở sự phát triển của LLSX. Yêu cầu khách quan của sự phát triển LLSX đòi hỏi xã hội bằng cách này hay cách khác phải xóa bỏ QHSX lỗi thời bằng một QHSX tiến bộ hơn, phù hợp với trình độ của LLSX mới, thúc đẩy LLSX tiếp tục phát triển. Như vậy, việc xóa bỏ QHSX hiện có hay xác lập QHSX mới đều xuất phát từ yêu cầu phát triển LLSX. Về điều này Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: "Bất cứ một sự thay đổi nào của chế độ xã hội, bất cứ một sự cải biến nào về mặt sở hữu cũng đều là kết quả tất yếu của việc tạo nên những lực lượng sản xuất mới, không còn phù hợp với các quan hệ sở hữu cũ nữa"[2].

Thời kỳ trước đổi mới, do vận dụng không đúng quy luật QHSX phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất dẫn đến nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. Nhận thức những sai lầm, từ Đại hội VI (năm 1986), Đảng ta đã tiến hành đổi mới toàn diện đất nước trong đó lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta luôn nhận thức sâu sắc rằng, một trong những điểm nghẽn cơ bản cản trở sự phát triển chính là trình độ còn thấp của LLSX. Từ nhận thức đó, Đảng đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách lớn nhằm thúc đẩy sự phát triển của LLSX, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, coi khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Từ sau Nghị quyết Trung ương 7 khóa VII (1994), Đảng và Nhà nước ta tập trung phát triển mạnh mẽ LLSX theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đến năm 1996, Việt Nam đã hoàn thành mục tiêu đặt ra cho giai đoạn đầu tiên, chính thức bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng năm đó, tại Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, cũng như giáo dục và đào tạo được xác định là quốc sách hàng đầu. Trong mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng, Đảng ta xác định rõ đặc trưng kinh tế là: "Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu"[3]. Trong

điều kiện LLSX ở nước ta hiện nay rất đa dạng, với nhiều trình độ khác nhau, thì QHSX tương ứng cũng cần đa dạng, bao gồm nhiều hình thức sở hữu, từ đó hình thành nền kinh tế nhiều thành phần.

Hiện nay, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là sự nổi lên của nền kinh tế tri thức, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta đang diễn ra ngày càng sâu rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng của LLSX. Trên tinh thần chủ động, sáng tạo và vận dụng quan điểm "đi tắt, đón đầu", nước ta đã tích cực ứng dụng các thành tựu mới nhất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) vào sản xuất, cùng với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, đã và đang tạo điều kiện mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển của LLSX.

Theo quy luật của sản xuất vật chất, LLSX giữ vai trò quyết định đối với sự biến đổi của QHSX. Do đó, sự phát triển mạnh mẽ của LLSX tất yếu đặt ra yêu cầu khách quan phải tiếp tục hoàn thiện và điều chỉnh các QHSX xã hội chủ nghĩa nhằm bảo đảm sự phù hợp, đồng bộ với trình độ mới của LLSX trong giai đoạn hiện nay. Tiêu chí để đánh giá mức độ phù hợp giữa QHSX và trình độ phát triển của LLSX được thể hiện qua các yếu tố như: sự phát triển của kinh tế, năng suất lao động, tính tích cực của người lao động, môi trường làm việc, mức sống của nhân dân, tình trạng đình công, tỷ lệ lạm phát, v.v.. Nếu các yếu tố này được cải thiện và phát triển tích cực, điều đó cho thấy QHSX đang phù hợp và có tác dụng thúc đẩy LLSX. Ngược lại, nếu các yếu tố đó có dấu hiệu tiêu cực hoặc bị hạn chế, thì chứng tỏ QHSX đang trở thành rào cản đối với sự phát triển của LLSX.

2.2. Tác động của kiến trúc thượng tầng chính trị

Trong kiến trúc thượng tầng (KTTT), KTTT chính trị là bộ phận trung tâm, thể hiện qua các thiết chế chính trị, tổ chức chính trị, ý thức chính trị, v.v.. KTTT chính trị không hoàn toàn bị chi phối một chiều bởi cơ sở hạ tầng mà còn có tính độc lập tương đối và tác động trở lại, góp phần thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của QHSX.

Thực tiễn Việt Nam thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay) là minh chứng sinh động cho vai trò và tác động to lớn của KTTT chính trị đối với quá trình cải biến QHSX. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã khởi xướng công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có sự điều chỉnh mạnh mẽ từ KTTT chính trị. Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò lãnh đạo toàn diện đã có những đổi mới sâu sắc trong tư duy lý luận và tổ chức thực tiễn, thể hiện qua việc chuyển đổi mô hình quản lý kinh tế từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách đổi mới về đất đai, đầu tư, doanh nghiệp, pháp luật và hội nhập quốc tế... tạo điều kiện pháp lý và thể chế để hình thành nhiều hình thức sở hữu, thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển, qua đó làm biến đổi sâu sắc QHSX ở Việt Nam.

Sự chuyển biến này thể hiện rõ qua việc xác lập QHSX mới mang tính hỗn hợp, trong đó tồn tại song song nhiều hình thức sở hữu và thành phần kinh tế như kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Mối quan hệ giữa người lao động, người sử dụng lao động, cơ chế phân phối thu nhập... cũng trở nên linh hoạt, phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của LLSX trong điều kiện mới. Vai trò điều tiết của nhà nước chuyển từ can thiệp

hành chính trực tiếp sang quản lý bằng "luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của nền kinh tế thị trường"[4]. Bên cạnh đó, vai trò lãnh đạo của Đảng và sự ổn định của bộ máy chính trị đã tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các chính sách kinh tế, phát triển khu vực tư nhân, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy cạnh tranh và hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Chính sự thay đổi trong KTTT chính trị, thông qua vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đã tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ của LLSX, dẫn đến những biến đổi tích cực trong QHSX, làm nền tảng cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở Việt Nam trong gần 40 năm qua.

2.3. Tác động của các quan hệ sản xuất khác

Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, mỗi hình thái kinh tế - xã hội là một chỉnh thể biện chứng giữa LLSX, QHSX và KTTT, trong đó QHSX phản ánh cách thức con người tổ chức các mối quan hệ về sở hữu, quản lý và phân phối sản phẩm lao động. Một hình thái kinh tế - xã hội không bao giờ vận hành trên cơ sở một loại hình QHSX duy nhất, thuần nhất, mà luôn là kết quả tổng hợp của nhiều loại hình QHSX cùng tồn tại. Trong đó có một QHSX giữ vai trò chủ đạo, quy định bản chất kinh tế của hình thái kinh tế - xã hội ở từng thời kỳ lịch sử. Các QHSX còn lại mặc dù không giữ vai trò chi phối, nhưng vẫn tồn tại một cách khách quan và có vai trò nhất định, góp phần làm cho kết cấu kinh tế thêm phong phú, đa dạng, phản ánh trình độ phát triển không đồng đều của LLSX trong giai đoạn đó.

Như vậy, các loại hình QHSX trong cùng một hình thái không tồn tại một cách cô lập, tách biệt mà luôn có sự tác động qua lại, đan xen và tương hỗ lẫn nhau. Mối liên hệ đó tạo nên một chỉnh thể hữu cơ của cơ sở hạ tầng, từ đó tác động đến toàn bộ KTTT và các yếu tố chính trị - xã hội có liên quan. Chính sự đan xen này cho thấy, để hiểu đúng và vận dụng sáng tạo lý luận về QHSX trong từng giai đoạn cụ thể, cần nhận thức rõ không chỉ vai trò chi phối của QHSX chủ đạo mà còn phải tính đến sự hiện diện và ảnh hưởng của các QHSX khác.

Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa nên có sự tồn tại song song và đan xen của nhiều QHSX là một tất yếu khách quan. Điều này xuất phát từ chính trình độ của LLSX ở nước ta đa dạng, không đồng đều, nhiều trình độ. Trong bối cảnh đó, các QHSX tuy cùng tồn tại trong một hệ thống, nhưng mang bản chất khác nhau dẫn đến vừa có sự thống nhất, bổ sung lẫn nhau, vừa đấu tranh, bài trừ lẫn nhau. Ở nước ta hiện nay có thể nhận diện ba QHSX cơ bản đang cùng tồn tại: QHSX xã hội chủ nghĩa, QHSX tư bản chủ nghĩa; QHSX phong kiến, trong đó, QHSX xã hội chủ nghĩa đang vươn lên giữ vai trò chủ đạo, để cùng với các nguồn lực, chính sách của Nhà nước thực hiện vai trò định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, để thực hiện được vai trò chủ đạo ấy một cách thực chất, không thể chỉ dựa vào yếu tố sở hữu hoặc pháp lý mà cần phải dựa vào hiệu quả thực tiễn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Nếu QHSX xã hội chủ nghĩa không chứng minh được tính ưu việt thông qua năng suất lao động, hiệu quả kinh tế, khả năng cạnh tranh, thì tất yếu sẽ bị các QHSX làm lu mờ vai trò định hướng và dẫn dắt của mình. Ngược lại, nếu QHSX xã hội chủ nghĩa được tổ chức một cách hợp lý, hoạt động hiệu quả và chứng minh được năng lực dẫn dắt phát triển bền vững, thì nó không

những củng cố được vị thế trung tâm của mình trong hệ thống cơ sở hạ tầng, mà còn có thể làm trụ đỡ để hỗ trợ, định hướng và "kéo" các QHSX khác vận hành theo hướng tiến bộ, phục vụ cho mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Khi đó, sự đa dạng về hình thức sở hữu cũng như cách thức tổ chức sản xuất sẽ không còn là rào cản mà trở thành động lực thúc đẩy con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Ở nước ta hiện nay, các QHSX cùng tồn tại tạo nên tính linh hoạt cho nền kinh tế, thúc đẩy sự vận động và phát triển của LLSX. Khu vực tư nhân và FDI mang lại vốn, công nghệ, mô hình quản trị hiện đại. Trong khi đó, khu vực nhà nước và kinh tế tập thể góp phần giữ ổn định nền tảng sản xuất, định hướng phát triển kinh tế gắn với thực hiện công bằng xã hội. Tuy nhiên, do khác biệt về động lực phát triển và bản chất sở hữu, giữa các QHSX cũng tồn tại mâu thuẫn. QHSX tư bản chủ nghĩa vốn lấy lợi nhuận làm trung tâm có thể làm gia tăng phân hóa giàu nghèo, bất công trong phân phối, bóc lột lao động, v.v.. Chẳng hạn, sau gần 40 năm đổi mới, thu nhập bình quân đầu người ở nước ta tăng đáng kể, khoảng cách thu nhập bình quân đầu người giữa nhóm 20% giàu nhất nước và 20% nghèo nhất nước đang được thu hẹp song chưa đạt mục tiêu như kỳ vọng, tiềm ẩn những nguy cơ gây bất ổn xã hội. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, khoảng cách thu nhập giữa 2 nhóm này các năm 2010, 2016, 2022, 2023 tương ứng là 9 lần, 10 lần, 8 lần, 7 lần[5].

Như vậy, nhận thức và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa các QHSX, đặc biệt là vai trò chủ đạo của QHSX xã hội chủ nghĩa chính là chìa khóa để vừa phát huy nội lực, vừa định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo con đường tiến bộ, văn minh và bền vững mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đã lựa chọn. Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước đòi hỏi không ngừng hoàn thiện lý luận về QHSX trong điều kiện quá độ, đồng thời tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nơi mà QHSX xã hội chủ nghĩa giữ vai trò chủ đạo.

2.4. Tác động của toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Quan hệ sản xuất với bản chất là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất luôn vận động và biến đổi theo sự vận động, phát triển của LLSX và các điều kiện kinh tế - xã hội. Toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và cuộc CMCN 4.0 đang tác động sâu sắc đến QHSX ở nước ta, vừa mở ra nhiều cơ hội đổi mới, phát triển, vừa đặt ra những thách thức không nhỏ. Về ưu điểm:

Một là, góp phần đa dạng hóa các loại hình QHSX. Toàn cầu hóa đã tạo điều kiện cho các yếu tố sản xuất như vốn, công nghệ, lao động được lưu chuyển xuyên biên giới. Điều này giúp nền kinh tế Việt Nam tiếp cận với nhiều mô hình sản xuất tiên tiến, từ đó xuất hiện các hình thức QHSX mới như: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, mô hình công - tư hợp tác, tổ chức sản xuất trong nền kinh tế số, v.v.. Như vậy, QHSX không còn bó hẹp trong phạm vi sở hữu truyền thống mà chuyển sang những hình thức mới đa dạng và năng động hơn. Bên cạnh sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, những hình thức sở hữu hỗn hợp như: sở hữu công - tư, sở hữu trí tuệ số, sở hữu nền tảng kỹ thuật số, v.v.. đã xuất hiện và từng bước được thừa nhận. Các loại hình doanh nghiệp cũng đa dạng hơn, từ doanh nghiệp nhà nước, tư nhân trong nước, hợp tác xã, đến doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các mô hình sản xuất linh hoạt trong nền kinh tế số như: kinh tế chia sẻ (Bee,

Grab), kinh tế nền tảng (Google, Facebook, Shopee, Tiki), kinh tế Gig. Sự phát triển đa dạng các quan hệ sở hữu, mô hình doanh nghiệp và cách thức tổ chức sản xuất cho thấy QHSX ở Việt Nam đang vận động phù hợp với sự phát triển năng động của LLSX trong bối cảnh mới.

Hai là, làm thay đổi cách thức sở hữu và phương thức tổ chức, quản lý. Đặc trưng của CMCN 4.0 là sự kết hợp giữa tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và kết nối số. Những thay đổi này đòi hỏi các chủ thể sản xuất phải cơ cấu lại sở hữu (bao gồm sở hữu trí tuệ, dữ liệu, nền tảng số...) cũng như tổ chức lại lao động theo hướng linh hoạt, chuyên môn hóa cao. Từ đó, QHSX được cải biến một cách tích cực, phù hợp hơn với yêu cầu của quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Cách thức tổ chức lao động ngày càng mở rộng với các hình thức làm việc đa dạng như: làm việc từ xa, lao động số, lao động thời vụ, v.v... Cùng với đó, các hình thức sở hữu mới như sở hữu dữ liệu, sở hữu nền tảng cũng đang nổi lên như một yếu tố cấu thành quan trọng trong cấu trúc QHSX hiện đại.

Ba là, củng cố vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong môi trường cạnh tranh quốc tế. Thực tiễn cho thấy hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ giúp khu vực tư nhân phát triển mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với khu vực kinh tế nhà nước. Trước sức ép cạnh tranh toàn cầu, các doanh nghiệp nhà nước buộc phải đổi mới quản trị, nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động, khẳng định vai trò chủ đạo trong nền kinh tế như Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: "Kinh tế nhà nước là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội, khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường"[6]. Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng xác định cùng với kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân giữ vai trò nòng cốt để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, vươn lên phát triển thịnh vượng.

Bên cạnh những cơ hội, toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và CMCN 4.0 cũng đồng thời đặt ra nhiều thách thức và nguy cơ đối với QHSX ở nước ta hiện nay. Cụ thể:

Một là, làm gia tăng bất bình đẳng về kinh tế - xã hội. Quá trình hội nhập và toàn cầu hóa làm tăng sự tập trung vốn và tư liệu sản xuất vào tay một số ít chủ thể kinh tế mạnh, dẫn đến phân hóa sâu sắc trong xã hội. Ở Việt Nam, sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng rõ nét giữa các nhóm dân cư, vùng miền. Có thể thấy, các doanh nghiệp lớn trong khu vực tư nhân và FDI có điều kiện tiếp cận công nghệ, thị trường thuận lợi hơn, trong khi nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn khó khăn về vốn và công nghệ. Điều này không chỉ làm mất cân bằng trong QHSX mà còn tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững và sự công bằng xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: "Giảm nghèo chưa bền vững, chưa có giải pháp hữu hiệu để xử lý vấn đề phân hóa giàu - nghèo, gia tăng bất bình đẳng về thu nhập, kiểm soát và xử lý các mâu thuẫn, xung đột xã hội"[7].

Hai là, làm QHSX không theo kịp những biến đổi của thực tiễn. Có thể thấy, với công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và kết nối toàn cầu đã làm thay đổi cách thức tổ chức sản xuất, phân công lao động cũng như phân phối sản phẩm. QHSX với tư cách là hình thức của quá trình sản xuất lại chưa kịp thích ứng, dẫn đến tình trạng bất cập trong quản lý lao

động, sở hữu tư liệu sản xuất, và phân phối lợi ích. Sự gia tăng của các loại tư liệu sản xuất mới như dữ liệu, phần mềm, nền tảng số đặt ra nhiều thách thức. Bởi hiện nay, những quy định hiện hành chủ yếu được áp dụng với tài sản hữu hình dẫn đến tình trạng khó xác lập quyền sở hữu rõ ràng, dễ gây tranh chấp và không công bằng trong phân chia lợi ích. Cùng với đó, sự phát triển của các hình thức việc làm linh hoạt như làm việc từ xa, lao động tự do qua nền tảng số (xe công nghệ, giao hàng, dịch vụ trực tuyến...) đang gia tăng nhanh chóng, nhưng lại chưa được quy định đầy đủ trong luật lao động. Điều này khiến một bộ phận không nhỏ người lao động rơi vào tình trạng không được hưởng các quyền lợi của người lao động được quy định trong luật, dễ bị bóc lột về thời gian và thu nhập.

Ba là, tiềm ẩn nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển QHSX. Ngày nay, với sự chi phối ngày càng lớn của các tập đoàn đa quốc gia, sự dịch chuyển của chuỗi giá trị toàn cầu và áp lực cạnh tranh xuyên biên giới đã khiến nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, phải điều chỉnh cơ chế quản lý theo hướng thị trường. Điều này làm suy giảm vai trò điều tiết của Nhà nước trong một số lĩnh vực, dẫn đến sự biến dạng về bản chất của các QHSX mang tính xã hội chủ nghĩa. Sự lệch hướng này nếu không được kiểm soát sẽ làm suy yếu cơ sở kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa, gây mất ổn định chính trị và xã hội.

3. Kết luận

Có thể thấy, xây dựng và hoàn thiện QHSX xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay là một quá trình lâu dài, phức tạp. Quá trình này luôn chịu sự chi phối bởi nhiều nhân tố khách quan và chủ quan đan xen lẫn nhau. Nhận diện và phân tích đúng đắn các nhân tố này không chỉ góp phần làm rõ quy luật khách quan của sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mà còn tạo cơ sở lý luận cho việc hoạch định chủ trương, chính sách phù hợp, bảo đảm cho QHSX xã hội chủ nghĩa từng bước được xác lập và hoàn thiện trong thực tiễn ❖

[1] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 13, tr.14-15.

[2] C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập,*Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 4, tr.467.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII,* Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.111.

[4, 6, 7] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.131; 129; 85.

[5] Tổng cục thống kê: "Chênh lệch thu nhập bình quân đầu người một tháng giữa nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất theo giá hiện hành phân theo địa phương", trên *https://www.gso.gov.vn,* truy cập ngày 27/5/2025.